

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2768/BKHCN-VP

V/v Trả lời kiến nghị của cử tri
TP. Hồ Chí Minh

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh

Sau Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) nhận được Công văn số 685/BDN ngày 29/7/2022 của Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải quyết kiến nghị của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ KH&CN xin trả lời như sau:

Nội dung kiến nghị: *Kiến nghị Bộ tăng cường đầu tư nâng cao tiềm lực KH&CN, nhất là công nghệ cao.*

Trả lời:

1. Trong thời gian qua, Bộ KH&CN đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tiềm lực KH&CN của quốc gia. Về cơ bản, tiềm lực KH&CN quốc gia được củng cố, cụ thể như sau:

Về nguồn lực tài chính cho KH&CN: Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, chú trọng đầu tư cho KH&CN đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ trong đóng góp của xã hội, nhất là từ khu vực doanh nghiệp. Nếu như khoảng 10 năm trước đây, ngân sách nhà nước (NSNN) chiếm khoảng 70% đến 80% tổng đầu tư cho KH&CN thì đến nay đầu tư cho KH&CN từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp đã tương đối cân bằng với tỷ lệ tương ứng là 52% và 48%. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2020, NSNN đầu tư cho hoạt động KH&CN duy trì vào khoảng 2% tổng chi NSNN hằng năm, xấp xỉ 0,5% GDP nếu tính gồm cả chi quốc phòng an ninh và chi dự phòng. Ngân sách nhà nước chi cho KH&CN bao gồm kinh phí sự nghiệp KH&CN và kinh phí đầu tư phát triển KH&CN. Tỷ lệ giữa tổng chi quốc gia cho NC&PT trên GDP đã liên tục tăng ổn định từ mức 0,44% năm 2015 lên 0,53% năm 2019 chủ yếu là nhờ có sự gia tăng mạnh mẽ đầu tư của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp, tập đoàn có quy mô lớn.

Về nhân lực KH&CN: Cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN được đổi mới theo hướng tạo động lực và lợi ích thiết thực để giải phóng và phát huy sức sáng tạo của cán bộ khoa học; khẳng định quan điểm sử dụng và trọng dụng các cá nhân hoạt động KH&CN trên cơ sở thành tích thực tế, không phụ thuộc vào thâm niên công tác, tạo điều kiện để thu hút, sử dụng và



trọng dụng nhân tài ở Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đóng góp cho sự nghiệp phát triển của đất nước¹. Theo thống kê tại Báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020, hiện nay, số cán bộ nghiên cứu toàn thời gian (full time equivalent - FTE) của Việt Nam đạt 7,57 người/vạn dân; số cán bộ nghiên cứu tính theo đầu người (headcount) của Việt Nam đạt khoảng 15,6 người/vạn dân; số lượng kỹ sư được đào tạo và sát hạch theo chuẩn quốc tế trong lĩnh vực công nghệ cao khoảng 51.000 người.

Về hạ tầng thông tin KH&CN: Cơ sở dữ liệu KH&CN quốc gia đang được hoàn thiện và phát triển. Theo đó, cơ sở dữ liệu công bố khoa học của Việt Nam đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tra cứu thông tin, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu. Hiện nay, Bộ KH&CN đang thu thập và cung cấp thông tin về nhiệm vụ KH&CN (bao gồm: nhiệm vụ đang tiến hành, kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhiệm vụ có kết quả được ứng dụng) tại địa chỉ sti.vista.gov.vn². Cập nhật cơ sở dữ liệu về tổ chức KH&CN và cán bộ KH&CN³; Cơ sở dữ liệu về công nghệ, chuyên gia công nghệ, các tổ chức trung gian của thị trường KH&N cũng như các hoạt động thông tin chuyển giao công nghệ; hoạt động Techmart online thường xuyên được bổ sung, cập nhật trên cổng thông tin điện tử Techmartvietnam.vn⁴, đáp ứng kịp thời nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc, nhưng KH&CN Việt Nam chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và vị trí quốc sách hàng đầu. Đội ngũ cán bộ KH&CN tuy gia tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu các chuyên gia giỏi đầu ngành trong nhiều lĩnh vực tiên phong. Tốc

¹ Bao gồm: (1) Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và các văn bản hướng dẫn thi hành; (2) Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam; (3) Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; (4) Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN,...

² Hiện cơ sở dữ liệu (CSDL) Nhiệm vụ KH&CN có 46.919 bản ghi về nhiệm vụ KH&CN các cấp (6.205 nhiệm vụ đang tiến hành; 36.857 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; 3.857 báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các thông tin về nhiệm vụ đều được công khai, mọi người đều có thể truy cập để xem tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đến nay, tổng số lượt truy cập vào CSDL này đạt trên 1.5 triệu lượt. Ngoài ra, CSDL công bố KH&CN có 325.382 bản ghi về công bố KH&CN trong các lĩnh vực (Khoa học tự nhiên có 28.692 công bố; Khoa học kỹ thuật & công nghệ có 60.382 công bố; Khoa học y, dược có 38.737 công bố; Khoa học nông nghiệp có 39.582 công bố; Khoa học xã hội có 149.807 công bố; Khoa học nhân văn có 21.381 công bố).

³ CSDL tổ chức KH&CN hiện có 1505 tổ chức NC&PT, 173 tổ chức dịch vụ KH&CN và 430 tổ chức giáo dục đại học.

⁴ Số lượng công nghệ, thiết bị được cập nhật năm 2021 là 400 biểu ghi công nghệ, thiết bị (bao gồm: 300 CNTT chào bán; 100 CNTT tìm mua); 450 tin tức thị trường CN, TB được cập thường xuyên lên trang Techmart online.

độ đầu tư đổi mới, phát triển và làm chủ công nghệ hiện đại trong các doanh nghiệp còn chậm nên chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. KH&CN chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, tiềm lực KH&CN quốc gia vẫn cần tiếp tục được tăng cường trong thời gian tới.

Hiện nay, Bộ KH&CN đang phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện các chính sách để khơi thông mạnh mẽ nguồn lực đầu tư từ xã hội cho KH&CN đặc biệt là từ Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp⁵; tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chính sách sử dụng, trọng dụng và thu hút cá nhân hoạt động KH&CN⁶; tăng cường sự đóng góp của lực lượng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài cho sự phát triển tiềm lực, năng lực KH&CN của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước trong bối cảnh mới⁷.

2. Về tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã có những định hướng, quyết sách đúng đắn để thúc đẩy phát triển KH&CN, đặc biệt là công nghệ cao, quyết tâm đẩy nhanh ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở trong nước trong đó có phát triển các khu công nghệ cao. Trong thời gian qua, Bộ KH&CN cùng với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Chính phủ ban hành hoặc ban hành các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao⁸; bước đầu tạo được hành lang pháp lý cơ bản cho hoạt động xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; các hoạt động đầu tư, hoạt động KH&CN, ươm tạo, đào tạo nhân lực công nghệ cao, thương mại hóa công nghệ cao,...

⁵ Ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKH&CN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về dự thảo Thông tư hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính.

⁶ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án “Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021 - 2030” (đã trình tháng 9/2022).

⁷ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2022 Đề án “Thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài”.

⁸ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ban hành Quy chế khu công nghệ cao; Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Nghị định 04/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 09/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Theo đó, việc xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao để tăng cường thu hút đầu tư có hiệu quả được tập trung chú trọng. Đến nay hạ tầng chính Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã hoàn thiện, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1, đang từng bước triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2.

Đến thời điểm hiện tại, 03 Khu công nghệ cao quốc gia đã thu hút được 288 dự án đầu tư còn hiệu lực trong đó khoảng $\frac{1}{4}$ là các dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 17 tỷ USD⁹. Các khu công nghệ cao quốc gia đã thu hút thành công nhiều tập đoàn lớn, uy tín trên thế giới và trong nước tới đầu tư dự án vào/trong khu công nghệ cao như: Intel, Samsung, Nidec, Hanwha, Jabil, Datalogics, Sonion, Viettel, FPT, VNPT, Vingroup....Về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổng giá trị sản xuất của 03 Khu công nghệ cao quốc gia năm 2019 đạt gần 20 tỷ USD. Năm 2020 và 2021, mặc dù có ảnh hưởng COVID-19 nhưng giá trị sản xuất vẫn đạt được tương ứng hơn 21 tỷ USD và 23,35 tỷ USD cả năm. Giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao của các khu công nghệ cao năm 2021 vượt 21 tỷ USD.

Có thể thấy rằng, hoạt động của/trong khu công nghệ cao liên quan đến rất nhiều lĩnh vực khác nhau và chịu sự điều chỉnh của các pháp luật chuyên ngành về: quy hoạch, đầu tư, xây dựng, doanh nghiệp, đất đai, thuế, môi trường, lao động,...Do đó, nhằm tăng cường đầu tư, nâng cao hơn nữa năng lực, hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, vừa qua, Bộ KH&CN đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan đánh giá tình hình triển khai hoạt động xây dựng và hoạt động của các khu công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; xác định những khó khăn, vướng mắc chính trong công tác xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các cơ chế chính sách, chủ trương, biện pháp để nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý và thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao của Việt Nam¹⁰.

Hiện nay, để giải quyết, tháo gỡ một số vướng mắc chính, tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn, thúc đẩy việc xây dựng, phát triển khu công nghệ cao, Bộ KH&CN đang tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ đối với

⁹ Về thu hút đầu tư:

+ Khu CNC Hòa Lạc: 100 dự án (60 dự án đang hoạt động) với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 95.100 tỷ đồng, trong đó có 86 dự án trong nước, 14 dự án FDI;

+ Khu CNC Thành phố Hồ Chí Minh: 163 dự án (85 dự án đang hoạt động) với tổng vốn đầu tư đăng ký tương đương hơn 12,1 tỷ USD, trong đó có 112 dự án trong nước và 51 dự án FDI.

+ Khu CNC Đà Nẵng: 25 dự án, trong đó có 12 dự án trong nước với vốn đầu tư 6.291 tỷ đồng và 13 dự án FDI với vốn đầu tư 607,6 triệu USD.

¹⁰ Công văn số 897/BKH&CN-CNC ngày 27/4/2022.

dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao (thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP); dự kiến hoàn thiện, trình Chính phủ xem xét, ban hành trong năm 2022.

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ KH&CN đối với ý kiến của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ KH&CN xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp phát triển của KH&CN nước nhà trong thời gian tới. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban dân nguyện;
- TTCNTT (Công TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, VP.



BỘ TRƯỞNG

Huyền Thành Đạt

